

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 95/2020/HSST
Ngày: 28 / 9 / 2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lư Thị Châu Ngọc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Trọng Điền;
2. Ông Trần Thanh Huy.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Công Trí, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Lý Chí Nam, Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2020, tại Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 96/2020/TLST-HS ngày 09 tháng 9 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 96/2020/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 9 năm 2020 đối với bị cáo:

Trương Văn Vũ LM, sinh năm 1991 tại K – An Giang; Nơi cư trú: Tổ 09, khóm Vĩnh Đông 1, phường S, thành phố K, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: không biết chữ; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Đạo Phật; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Trương Văn Quách E, sinh năm 1971 và bà Huỳnh Thị G, sinh năm 1970; chưa có vợ con; anh chị em ruột có 02 người, bị cáo là người lớn nhất.

Tiền án: Ngày 18/7/2012, Tòa án nhân dân thị xã (nay là thành phố) K, tỉnh An Giang, kết án 01 năm tù, về tội “*Trộm cắp tài sản*” (chiếm đoạt 500.000 đồng; có 01 tiền sự về hành vi trộm cắp); ngày 08/01/2014, Tòa án nhân dân thành phố K, kết án 02 năm tù về tội “*Trộm cắp tài sản*” (chiếm đoạt 2.550.000 đồng; tái phạm); ngày 03/12/2015, Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang, kết án 06 năm tù, về tội “*Cố ý gây thương tích*” (đang chấp hành hình phạt 02 năm tù, tại Trại giam Định Thành; tái phạm nguy hiểm); Các bản án, chấp hành xong hình phạt, chưa xóa án tích.

Tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 23/8/2020 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1971; nơi cư trú: Số 92/6, tổ 15, khu phố 4, phường X, quận N, thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt.

Người làm chứng:

1. Bà Nguyễn Thị Thúy Q, sinh năm 1995; vắng mặt.
2. Ông Nguyễn Bá P, sinh năm 1985; vắng mặt.
3. Ông Mai Văn V, sinh năm 1987; vắng mặt.
4. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1968; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 00 giờ ngày 23/8/2020, Trương Văn Vũ LM đến khu vực Miếu Bà Chúa Xứ S (thuộc tổ 27, khóm Vĩnh Tây 1, phường S, thành phố K), lợi dụng sơ hở của khách hành hương, để chiếm đoạt tài sản, bán lấy tiền tiêu xài, mua ma túy sử dụng. LM nhìn thấy Nguyễn Thị H cầm trên tay 01 điện thoại di động. nhãn hiệu IPHONE XS MAX; LM quan sát không người để ý, giật lấy chiếc điện thoại, tẩu thoát; H tri hô, cung mọi người bắt quả tang LM, giao cơ quan điều tra khởi tố, tạm giam, điều tra, xử lý.

Vật chứng thu giữ: 01 điện thoại di động, nhãn hiệu IPHONE XS MAX (đã trao trả cho bị hại Nguyễn Thị H); 01 túi đeo; 01 mũ lưỡi trai; 01 áo thun tay ngắn; 01 quần sọt Jean (của Trương Văn Vũ LM; đã bàn giao Cơ quan thi hành án dân sự).

Kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số: 218/KL-ĐG ngày 25/8/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố K, ghi nhận: Điện thoại di động, nhãn hiệu Iphone XS MAX, vàng, trị giá 10.000.000 đồng.

Ngày 25/8/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố K khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với Trương Văn Vũ LM về tội "Cướp giật tài sản" theo quy định Điều 171 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Cáo trạng số 97/CT-VKSCĐ ngày 08/9/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố K truy tố Trương Văn Vũ LM về tội "Cướp giật tài sản" theo quy định tại điểm i khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, bị cáo Vũ LM khai nhận toàn bộ hành vi như Cáo trạng truy tố. Lời nói sau cùng bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Kiểm sát viên trình bày lời luận tội: Kháng định Cáo trạng số 97/CT-VKSCĐ ngày 08/9/2020 của VKSND TP K truy tố bị cáo Trương Văn Vũ LM

về tội “*Cướp giật tài sản*” theo điểm i khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật nên chúng tôi giữ nguyên quan điểm truy tố.

Bị cáo LM là người có nhân thân xấu. Khi có 03 tiền án, về các tội “*Trộm cắp tài sản*” và “*Cố ý gây thương tích*”, đã tái phạm, chưa xóa án tích, tiếp tục phạm tội do cố ý nên thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm.

Tuy nhiên, bị cáo LM thuộc thành phần nhân dân lao động, không được đi học, đã thành khẩn khai báo, nên đề nghị giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt là thỏa đáng, tương xứng, phù hợp.

Đề nghị xử lý

a) *Về trách nhiệm hình sự*,:

Căn cứ điểm i khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1, 2 Điều 51, 53 và Điều 38 Bộ luật Hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo Trương Văn Vũ LM từ 04 năm đến 05 năm tù, về tội “*Cướp giật tài sản*”. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam 23/8/2020.

Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có nghề nghiệp, hoàn cảnh khó khăn, không áp dụng hình phạt bổ sung.

b) *Về xử lý vật chứng*: đề nghị áp dụng các Điều 46, 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, tuyên: tịch thu tiêu hủy 01 túi đeo; 01 mũ lưỡi trai; 01 áo thun tay ngắn; 01 quần sọt Jean.

c) *Về trách nhiệm dân sự*: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về tố tụng,

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an nhân dân thành phố K; Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thành phố K; Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự.

[2] Quá trình điều tra, truy tố và cũng như tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người làm chứng không có ý kiến khiếu nại nên về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện.

[3] Tòa án đã tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng tại phiên tòa người bị hại, những người làm chứng vắng mặt. Quá trình điều tra, bị hại và người làm chứng đã có lời khai, ý kiến trình bày nên việc vắng mặt tại phiên tòa, không gây trở ngại cho việc xét xử. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 292, 293 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Về nội dung,

[4] Hành vi phạm tội: Tại phiên tòa bị cáo khai nhận: Bản thân bị cáo nghiện ma túy nhưng không có nghề nghiệp, công việc ổn định, do cần tiền để mua ma túy sử dụng nên khi quan sát thấy chị Nguyễn Thị H là khách hàng hương tại khu vực Miếu Bà Chúa Xứ S đang cầm điện thoại di động trên tay, bị cáo từ từ đến gần phía sau lưng chị H, rồi nhanh chóng dùng tay giật điện thoại và chạy thoát vào con hẻm gần đó. Chị H truy hô cướp, cướp liền lúc đó có anh Nguyễn Bá P và Mai văn V là bảo vệ của Miếu Bà nhanh chóng đuổi theo bắt được LM tại khu vực hẻm chỉ thuộc khóm Vĩnh Đông, phường S, thành phố K cùng tang vật là điện thoại di động, giao Công an phường S, thành phố K xử lý.

[5] Xét lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng, vật chứng vụ án được thu giữ và các tài liệu, chứng cứ khác được cơ quan điều tra thu thập và thẩm tra tại phiên tòa như: Biên bản bắt người phạm tội quả tang do Công an phường S lập hồi 00 giờ 30 phút, ngày 23/8/2020 (BL 02); Kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự (BL 69, 70), vật chứng thu giữ.

[6] Như vậy, có đủ cơ sở xác định bị cáo LM có hành vi cướp giật 01 điện thoại di động trị giá 10.000.000 đồng của Nguyễn Thị H. Bị cáo Trương Văn Vũ LM đã tái phạm chưa xóa án tích, tiếp tục phạm tội do cố ý, nên thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm. Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi với lỗi cố ý, xâm phạm đến quyền sở hữu của người khác. Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố K truy tố bị cáo về tội "Cướp giật tài sản" với tình tiết định khung theo quy định tại điểm i khoản 2 Điều 171 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[7] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác mà còn gây mất trật tự, an toàn xã hội tại địa phương. Do đó, cần có mức hình phạt nghiêm, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để bị cáo nhận thức sâu sắc hơn về hành vi đã thực hiện, đồng thời phát huy tính răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung trong xã hội.

[8] Xem xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không.

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bị cáo thuộc thành phần lao động nghèo, hiểu biết pháp luật còn hạn chế. Đây là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[9] Về hình phạt bổ sung:

Xét, bị cáo thuộc thành phần lao động nghèo, không có nghề nghiệp ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

[10] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Bà Nguyễn Thị H đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bị cáo bồi thường nên không đề cập xem xét trong vụ án.

[11] Về xử lý vật chứng: 01 túi đeo màu nâu, kích cỡ 31.5cm x 24cm; 01 nón lưỡi trai màu đen; 01 áo thun tay ngắn, màu xanh; 01 quần sọt vải Jean màu xanh, không còn giá trị sử dụng, xét tịch thu tiêu hủy.

[12] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Trương Văn Vũ LM phạm tội “*Cướp giật tài sản*”;

Căn cứ vào điểm i khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 53, Điều 38 Bộ luật Hình sự 2015, đã được sửa đổi, bổ sung 2017;

Xử phạt: Bị cáo Trương Văn Vũ LM: 04 (bốn) năm tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt của bị cáo LM được tính kể từ ngày 23/8/2020 (hai mươi ba tháng tám năm hai nghìn không trăm hai mươi).

Căn cứ Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự 2015, đã được sửa đổi, bổ sung 2017 và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Tịch thu, tiêu hủy:

- + 01 túi đeo màu nâu, kích cỡ 31,5cm x 24cm;
- + 01 nón lưỡi trai màu đen;
- + 01 áo thun tay ngắn, màu xanh;
- + 01 quần sọt vải Jean màu xanh.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 04/9/2020 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố K với Chi cục Thi hành án dân sự thành phố K).

Căn cứ Điều 135, 136, Điều 333, Điều 337 Bộ luật Tố tụng Hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo Trương Văn Vũ LM phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Riêng thời hạn kháng cáo của bị hại (H) là 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP. K (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Sở Tư pháp (1);
- Nhà tạm giữ (2);
- Phòng hồ sơ (1);
- Chi cục THADS TP. K (1);
- Bộ phận THA Tòa án (1);
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Ủy ban nhân dân nơi bị cáo cư trú;
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lư Thị Châu Ngọc